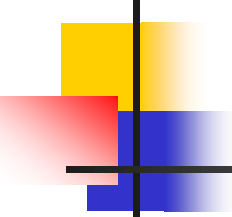




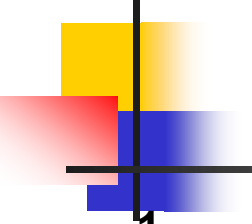
CHƯƠNG VII

**Kế toán nghiệp vụ mua hàng trong
nội bộ và xuất khẩu hàng hóa**



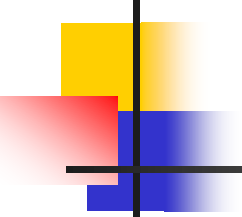
Mục tiêu ch- ơng

- Giúp sinh viên hình dung đ- ợc quá trình mua hàng trong n- ớc và xuất khẩu hàng hoá; các nghiệp vụ kế toán cần thiết để ghi chép lại quá trình đó.
- Giới thiệu một số vấn đề nổi bật có liên quan đến hoạt động th- ơng mại trong n- ớc cũng nh- xuất khẩu nh- việc kế toán ngoại tệ, thuế giá trị gia tăng.
- H- ớng dẫn cụ thể việc thực hiện ghi sổ và định khoản kế toán các nghiệp vụ mua hàng trong n- ớc và xuất khẩu hàng hoá.



Tóm tắt nội dung

1. **Nhệ thống vốn chung và kế toán nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu**
 - **Đặc điểm của hoạt động kinh doanh XNK**
 - **Nhiệm vụ của kế toán trong doanh nghiệp ngoại thương**
 - **Nguyên tắc kế toán ngoại thương**
 - **Kế toán thu nhập GTGT.**
 - **Phương pháp kế toán hàng tồn kho**
2. **Kế toán nghiệp vụ mua hàng xuất khẩu**
3. **Kế toán nghiệp vụ xuất khẩu hàng hóa**



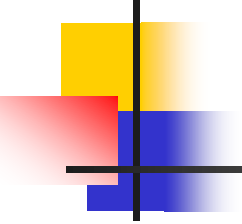
1. Đặc điểm kinh doanh XNK

1.1 Đặc điểm về phương thức xuất - nhập khẩu hàng hóa

- Xuất nhập khẩu theo nghị định thư.
- Xuất nhập khẩu tự cân đối: ngoài nghị định thư.

Cả hai phương thức xuất nhập khẩu trên có thể được thực hiện theo các hình thức sau:

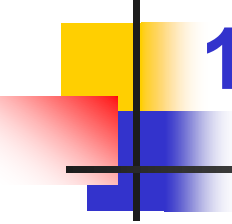
- Thu mua hàng trong nước và XK hàng hoá.
- NK hàng hoá và tiêu thụ hàng nhập khẩu.



1. □đc ăiợm kinh doanh XNK

1.2 Lưư chuyển hàng hoá theo một chu kỳ khép kín bao gồm hai giai đoạn:

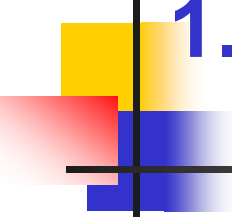
- Thu mua hàng trong nước và xuất khẩu hàng hoá.
- Nhập khẩu hàng hoá và tiêu thụ hàng nhập khẩu.



1. Đặc điểm kinh doanh xuất nhập khẩu

1.3 Giá cả trong ngoại thương đều gắn liền với một điều kiện giao hàng có liên quan đến giá đó

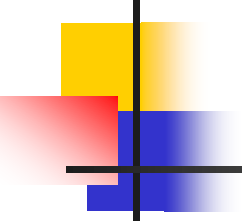
- CIF
- FOB



1. □đc ăiợm kinh doanh xuất nhập khẩu

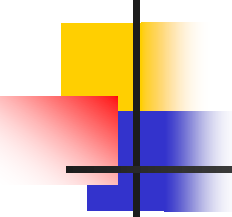
1.4. Phương thức thanh toán phù hợp với thông lệ quốc tế, tập quán của mỗi nước cũng như từng hợp đồng ngoại thương

- Phương thức chuyển tiền (Remittance)
- Phương thức nhờ thu (collection of payment)
- Phương thức tín dụng chứng từ (letter of credit - L/C)
- Phương thức mở tài khoản (open an account)



2. Nhiệm vụ của kế toán trong các doanh nghiệp ngoi th- i ng

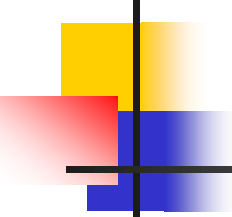
- Phản ánh và kiểm tra tình hình ký kết, thực hiện hợp đồng xuất nhập khẩu.
- Kiểm tra, quản lý hàng hoá xuất nhập khẩu về cả số l- ợng và giá trị.
- Tổ chức kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết để tính toán chính xác hiệu quả kinh doanh XNK.



3. Nguyên tắc kế toán ngoại tệ

Cơ sở pháp lý:

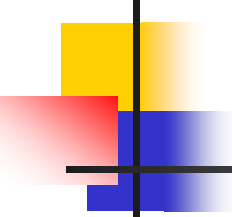
- Thông t- 44TC/TCDN ngày 7/7/1997.
- Chuẩn mực kế toán số 10 □ □nh h- ớng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và các thông t- h- ớng dẫn chuẩn mực.
 - Điều chỉnh kế toán các giao dịch bằng ngoại tệ.
 - Điều chỉnh việc chuyển đổi báo cáo tài chính n- ớc ngoài để hợp nhất báo cáo.



3. Nguyên tắc kế toán ngoại tệ

Một số khái niệm liên quan:

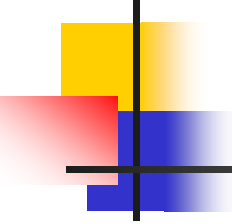
- **Giao dịch bằng ngoại tệ:** giao dịch đ- ợc xác định bằng ngoại tệ hoặc thanh toán bằng ngoại tệ
- **Các khoản mục tiền tệ:** tiền, t- ợng đ- ợng tiền, phải thu hoặc phải trả bằng tiền.
- **Các khoản mục phi tiền tệ:** Các khoản mục không phải là khoản mục tiền tệ.
- **Tỷ giá hối ả ngày giao dịch:** Tỷ giá giao ngay, tỷ giá trung bình tuần hoặc tháng trong tr- ờng hợp tỷ giá t- ợng đối ổn định.
- **Tỷ giá cuối kỳ:** Tỷ giá hối đoái vào ngày lập báo cáo tài chính.



Nguyên tắc kế toán ngoại tệ

Nội dung các nguyên tắc: (theo VAS)

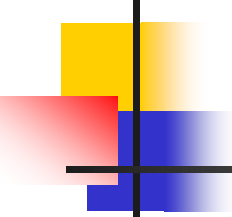
- **Số đông công Việt nam làm ăn và xuất nhập khẩu, trừ trừ - công hợp ăn - các phép số đông ăn và xuất nhập khẩu (theo quy định của BTC)**
- **Các giao dịch bằng ngoại tệ phải ăn - các hạch toán theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch. (tỷ giá thực tế hoặc tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng nhà nước công bố hàng ngày)**
- **Công thức với việc ghi kép, Kế toán phải ghi ăn TK 007 và Ngoại tệ các loại khi có phát sinh nghiệp vụ thu, chi ngoại tệ**



3. Nguyên tắc kế toán ngoại tệ (tiếp)

Nội dung các nguyên tắc: (theo CM 10)

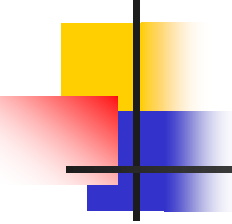
- *Đối với Tài khoản thu của doanh thu, hàng tồn kho, TSCĐ, chi phí sản xuất, kinh doanh, chi phí khác, bản Nợ các Tài khoản và bảng tính: sử dụng tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh. (TGTT)*



3. Nguyên tắc kế toán ngoại tệ (tiếp)

Nội dung các nguyên tắc:

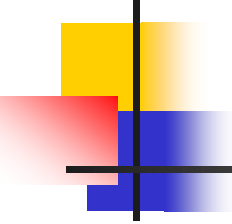
- **Đối với bản Cờ của các Tài khoản vốn bằng tiền:** sử dụng tỷ giá ghi trên sổ kế toán (tỷ giá bình quân gia quyền; tỷ giá nhập tr- ớc, xuất tr- ớc...).
- (TGHT)



3. Nguyên tắc kế toán ngoại tệ (tiếp)

c. Nội dung các nguyên tắc: (theo VAS)

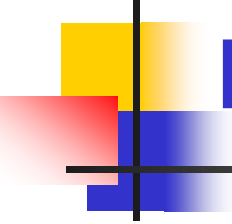
- *Đối với bản Cờ của các Tài khoản nhập tr,*
hoặc bản Nờ của các Tài khoản nhập thu: s
đăng t**gi****giao d****ch**;
- *Đối với bản Nờ của các Tài khoản nhập tr,*
hoặc bản Cờ của các Tài khoản nhập thu, khi
phát sinh các nghiệp vụ kinh tế bằng ngoại tệ phải
đ- ợc ghi sổ kế toán bằng Đồng Việt Nam, hoặc
bằng đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế
toán theo **t****gi****ghi trần s****ắ k****to****h**



3. Nguyên tắc kế toán ngoại tệ (tiếp)

c. Nội dung các nguyên tắc: (theo VAS)

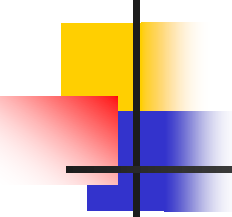
***Cuối năm tài chính, doanh nghiệp phải
ảnh hưởng các khoản mục tiền tệ
giao dịch theo tỷ giá giao dịch bình
quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân
hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
công bố tại thời điểm lập Bảng CKT
cuối năm tài chính.***



Nguyên tắc kế toán ngoại tệ

b. Nội dung các nguyên tắc:

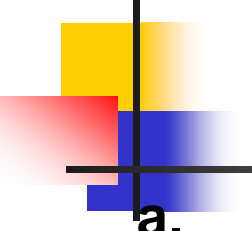
- **Xử lý chênh lệch tỷ giá trong giao dịch:**
 - **Đối với doanh nghiệp mới thành lập:** Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình xây dựng, hình thành TSCĐ cố định treo trên TK 413 và phân bổ tỷ giá 5 năm sau khi TSCĐ cố định đưa vào hoạt động.
 - **Đối với tr- ngại hợp kh-:** Chênh lệch tỷ giá cố định tính ngay vào chi phí thu nhập hoạt động tài chính.



Nguyên tắc kế toán ngoại tệ

b. Nội dung các nguyên tắc:

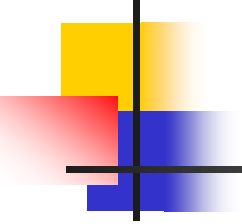
- Tất cả ngày lớp BÚng cần nắm vững kế toán cuối kỳ:
 - Các khoản mục tài sản gốc ngoại tệ phải nắm vững ghi sổ và báo cáo theo tài khoản sổ của;
 - Chẩn đoán tài sản gốc tăng ngay vào chi phí thu nhập hoạt động tài chính.
 - Các khoản mục phi tài sản gốc báo cáo theo tài khoản sổ của tất cả ngày giao dịch.



4. Thuế giá trị gia tăng

Khái niệm:

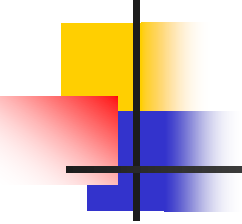
- **Giá trị gia tăng:** Giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng
- **Thuế giá trị gia tăng:** Thuế tính trên giá trị tăng thêm. Đảm bảo không đánh thuế 2 lần đối với cùng một khoản thu nhập.



4. Thuế giá trị gia tăng

b. Cơ sở pháp lý

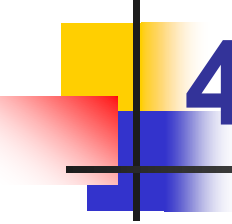
- Luật thuế GTGT ngày 10/5/1997, có hiệu lực 1/1/1999.
- Luật sửa đổi luật thuế GTGT 17/6/2003.
- Nghị định 79/2000/NĐ-CP ngày 29/12/2000, nghị định 76/2002/NĐ-CP ngày 13/9/2002.
- Thông t- 122/2000/TT-BTC ngày 29/12/2000, thông t- 82/2002/TT-BTC ngày 18/9/2002.



4. Thuế giá trị gia tăng

c. Nội dung các quy định về thuế GTGT

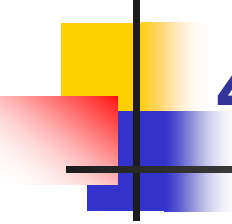
- **Đối tượng chịu thuế:** Hàng hoá, dịch vụ dùng cho SX, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt nam, trừ những đối tượng không chịu thuế bao gồm:
 - Sản phẩm nông nghiệp chưa qua chế biến của người trực tiếp sản xuất.
 - Thiết bị máy móc chuyên dùng mà trong nước chưa sản xuất được.
 - Các hoạt động không nhằm mục đích kinh doanh: bảo hiểm, y tế, dạy nghề, phát hành sách báo mang tính tuyên truyền, phổ cập giáo dục, dịch vụ công cộng.
 - Hàng nhập khẩu là: viện trợ nhân đạo, hành lý cá nhân, quà tặng, hàng quá cảnh v.v.



4. Thu thuế giá trị gia tăng

c. Nội dung các quy định về thuế GTGT

- **Đối tượng nộp thuế:**
 - Các tổ chức, cá nhân có sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT.
 - Các tổ chức cá nhân có nhập khẩu hàng hoá chịu thuế GTGT.
- **Cơ sở tính thuế:**
 - Giá tính thuế:
 - Thuế suất:



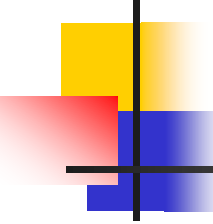
4. Thuế giá trị gia tăng

■ **Giá tính thuế**

- Đối với hàng hoá, dịch vụ là **giá bán chưa bao gồm thuế GTGT**.
- Đối với hàng NK là **giá NK tại cửa khẩu + thuế nhập khẩu**.
- Đối với hàng bán trả góp là giá tính theo giá bán trả 1 lần.
- Đối với hoạt động cho thuê TS là tiền thuê từng kỳ.

■ **Thuế suất:** 3 mức thuế suất

- 0% đối với hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu
- 5% đối với hàng hoá, dịch vụ thiết yếu/cần hỗ trợ, khuyến khích.
- 10% đối với tất cả các hàng hoá, dịch vụ khác (mức thuế suất phổ biến nhất).



4. Thuế giá trị gia tăng

d. Ph- ơng pháp tính thuế

- **Ph- ơng pháp khấu trừ:** Sử dụng chủ yếu
Thuế GTGT phải nộp = Thuế GTGT đầu ra - Thuế GTGT đầu vào
Thuế GTGT đầu ra =

Giá tính thuế của HH, DV bán ra x Thuế suất

Thuế GTGT đầu vào =

Tổng thuế GTGT ghi trên hoá đơn của ng- ời bán.

- **Ph- ơng pháp trực tiếp:**

Thuế GTGT phải nộp = GTGT x thuế suất

GTGT = Giá thanh toán của HH, DV bán ra

□ Giá thanh toán của HH, DV mua vào t- ơng ứng



4. Thuế giá trị gia tăng

e. Nguyên tắc khấu trừ:

- Khấu trừ toàn bộ thu nhập vào các hh, dv đang SX, KD hh, dv chịu thuế GTGT.
- Thuế GTGT nhập vào phát sinh trong tháng nào nhập khẩu trừ khi Xăng thuế GTGT phải nộp các tháng nhập.
- Chiết khấu trừ thuế GTGT nhập vào nhập vào hh, dv mua vào nhập SX, KD hh, dv chịu thuế GTGT. Nếu đang nhập sản xuất, kinh doanh cửa hàng hoặc hàng chịu thuế GTGT thì phải tiến hành phân bổ thuế GTGT nhập vào, tháng tiếp theo tiếp giữa doanh số cửa hàng nhập, dịch vụ chịu thuế GTGT và tăng doanh số bán ra.

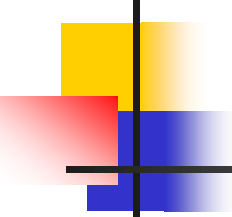
4. Thuế giá trị gia tăng

e. Nguyên tắc khấu trừ:

- **Chỉ có hai trường hợp được khấu trừ:**

$$\text{Thuế GTGT} = \frac{\text{Giá thanh toán}}{1 + \% \text{ thuế suất}} \times \text{thuế suất}$$

- **Số thuế GTGT trừ vào hàng hóa - dịch vụ mua sắm và giá vốn của hàng hóa bán ra trong kỳ**
- **Trường hợp hai trường hợp không ghi M/S thuế mua, bán hoặc mua của người bán nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì hàng hóa - dịch vụ mua sắm GTGT trừ vào.**



4. Thuế giá trị gia tăng

f. Kế toán thuế GTGT (pp khấu trừ)

■ **Chứng từ kế toán:**

- **Hóa vào:** Hóa đơn GTGT do ng-ời bán xuất có ghi đầy đủ thông tin về ng-ời bán, ng-ời mua (kể cả mã số thuế), giá bán chưa thuế, thuế GTGT và tổng giá thanh toán.
- **Hóa ra:** Hóa đơn GTGT xuất cho ng-ời bán.

■ **Tài khoản sử dụng:**

- Tài khoản 133 ☐ Thuế GTGT được khấu trừ
- Tài khoản 3331 ☐ Thuế GTGT phải nộp.

Phương pháp khấu trừ TK sử dụng.

TK 133

Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

-Thuế GTGT đầu vào đã được khấu trừ

- Kết chuyển VAT đầu vào không được khấu trừ

- VAT đầu vào được hoàn lại

VAT đầu vào còn được khấu trừ, hoàn lại

TK 3331

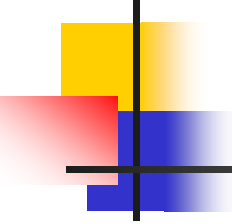
-VAT đầu vào đã được khấu trừ

-VAT đã nộp ngân sách, VAT của hàng bị trả lại

-VAT đầu ra phải nộp

- VAT của hàng nhập khẩu

VAT còn phải nộp đến cuối kỳ



4. Thuế giá trị gia tăng

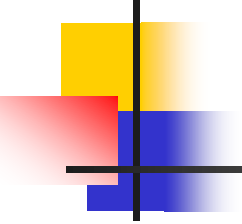
f. Kế toán thuế GTGT (pp khấu trừ)

■ Vấn đề minh họa

02/01: Mua hàng, Giá bán chưa thuế 200 tr, Thuế GTGT 10%. Hàng nhập kho, chưa trả tiền ngân hàng

05/01: Mua NVL để sản xuất hàng B thuế nhập khẩu chịu thuế TTĐB, Giá mua chưa thuế 150tr, thuế GTGT 10%, Hàng nhập kho, công ty đã thanh toán cho ngân hàng bằng tiền gửi ngân hàng

12/01: Kế toán nhập kho hàng hóa của công ty X của Hồng Kông để nhập kho hàng nhập khẩu vào kho để sản xuất kinh doanh chịu thuế GTGT.



4. Thuế giá trị gia tăng

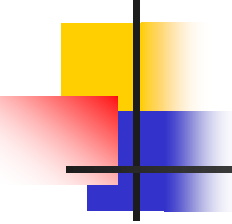
f. Kế toán thuế GTGT (pp khấu trừ)

■ Vở minh họ

25/01: Hàng vủ ảh cỪg. Giả mua nhốp khộu: 40.000USD, thuế NK: 20%, thuế GTGT 10% ả- ảc nỏp bắg chuyờn khoỪ. Cầg ty ch- a trỪ tiủn ng- ải bảh.

26/01: Nhốp khộu NVL dầg vào hoặ ảầg sỪn xuồt kinh doanh khắg thuế diầh chầu thuế GTGT Giả mua NK: 10.000 USD Thuế NK 15%, thuế GTGT 10%, ảầnỏp bắg chuyờn khoỪ. Cầg ty ảầ trỪ tiủn cho ng- ải bảh bắg tiủn gầ ngân hàng.

Yầu cầu: Tầnh sầ thuế GTGT ả- ảc khấu trầ vào thầ ảầm cuầ thầg.



6. K_ho_an thu mua hàng ho_a XK

a. Đ_oc ă_m, ph- _ong th_uc

- Đ_oc ă_m: Mua hàng ă_m sau ă_m xuô_t ra n- _oc ngoài v_oi gi_a cao h_on. Là qu_a tr_unh v_on ă_mg chuy_on t_o h_onh th_ui v_on ti_un t_osang v_on hàng ho_a.
- C_ac ph- _ong th_uc thu mua:
 - Thu gom hàng XK
 - Mua hàng tr_uc ti_up t_o c_as_u SX, trung gian c_a ho_a ă_m.
 - Đ_ot hàng.
 - Gia c_ang hàng XK (kh_ang h_oc)

b, Tính giá hàng hoá mua vào:

Giá nhập kho của vật t- , hàng hoá

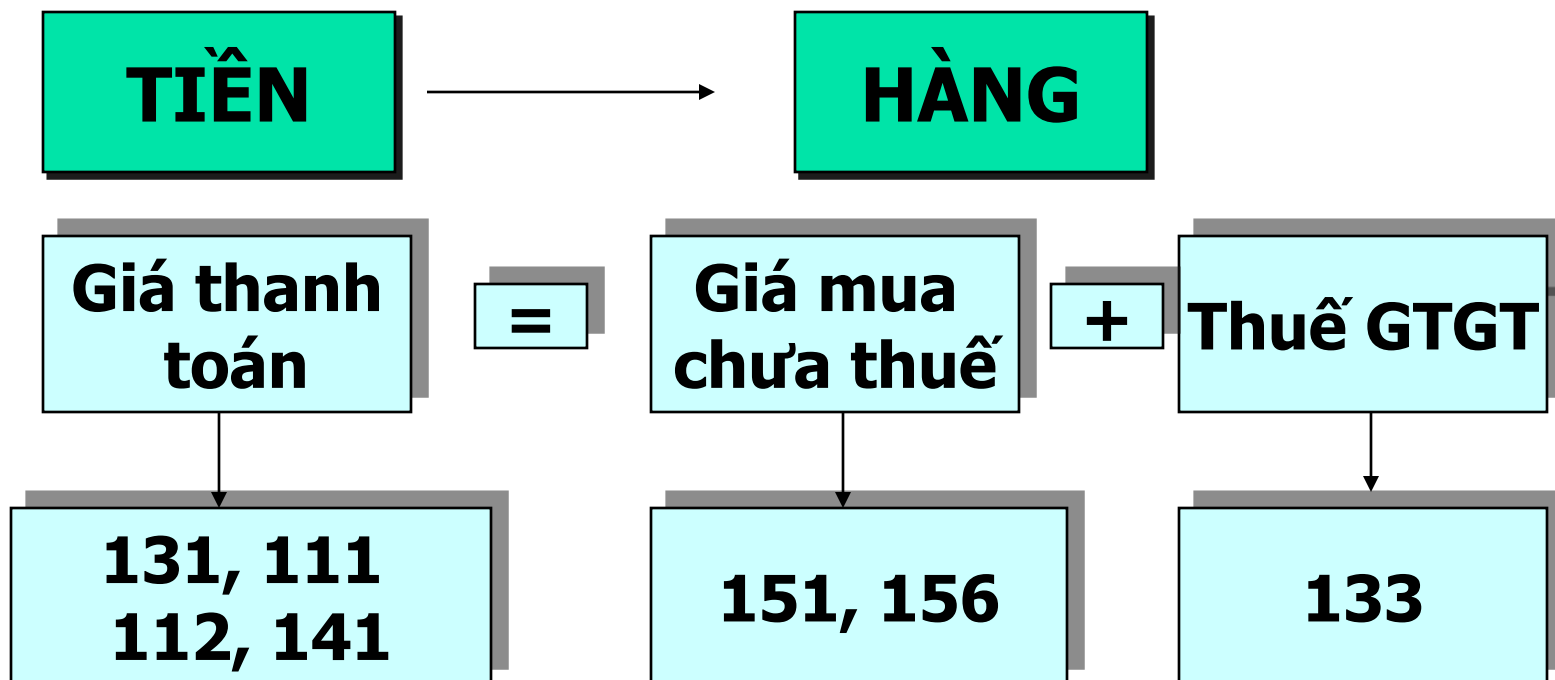
Giá mua

Chi phí thu mua

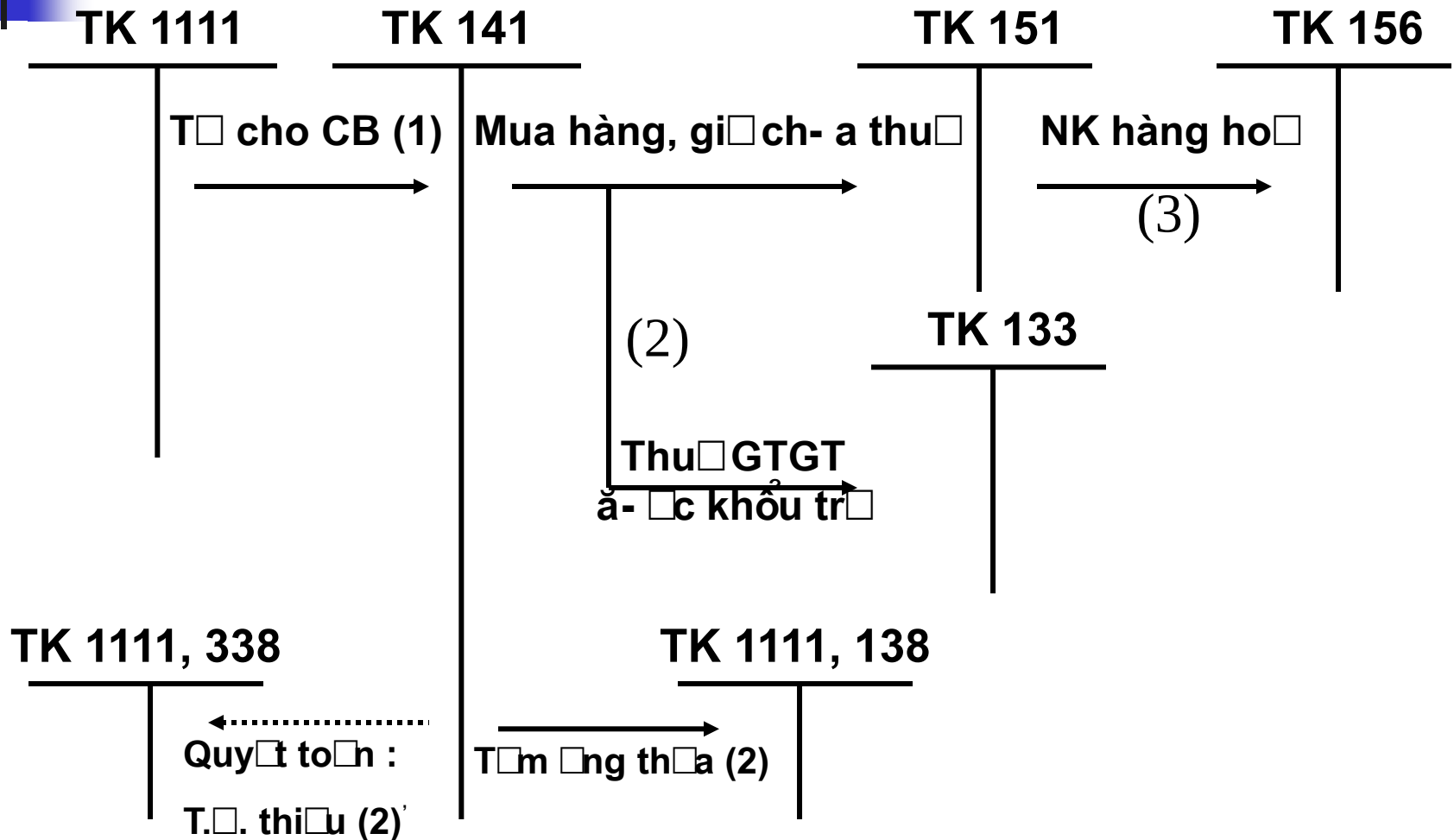
+ Giá mua
- Giảm giá (trừ chiết khấu thanh toán)
+ Thuế nhập khẩu
+ Thuế GTGT (khi mua - thuế tính vào giá hàng)

+ Chi phí vận chuyển, bốc dỡ
+ Chi phí kho hàng, bốc dỡ
+ Chi phí bốc dỡ phân thu mua
+ Hao hụt trong ảnh hưởng

Tài khoản sử dụng



Kế toán thu mua hàng hoá XK



Kế toán thu mua hàng hoá XK

Mua hàng trực tiếp từ nước SX KD có hoá đơn.

TK 1111, 1112, 331

TK 151

TK 156

Mua hàng, ghi chép và thu

NK hàng hoá

(1)

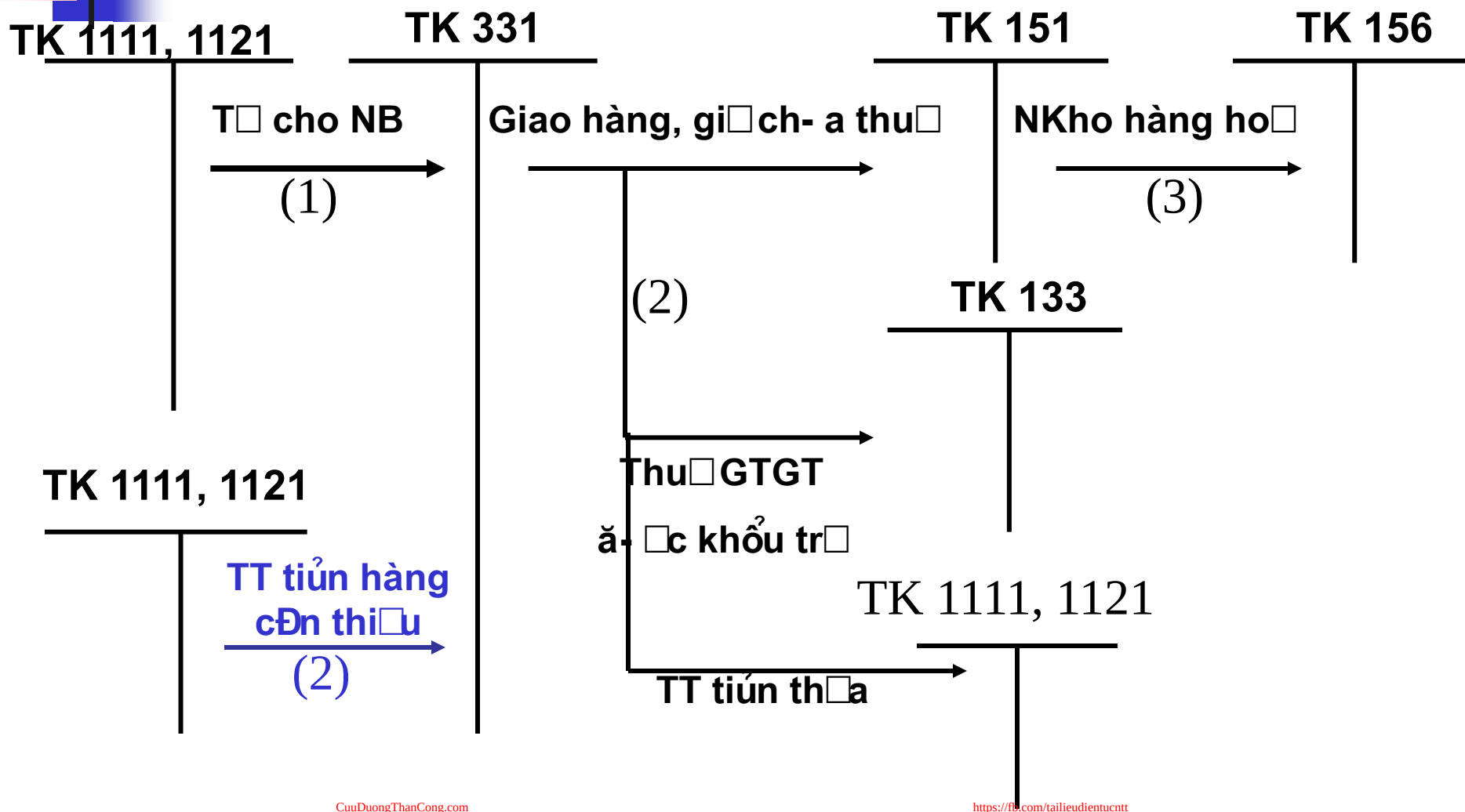
(2)

Thu GTGT và các
khấu trừ

TK 133

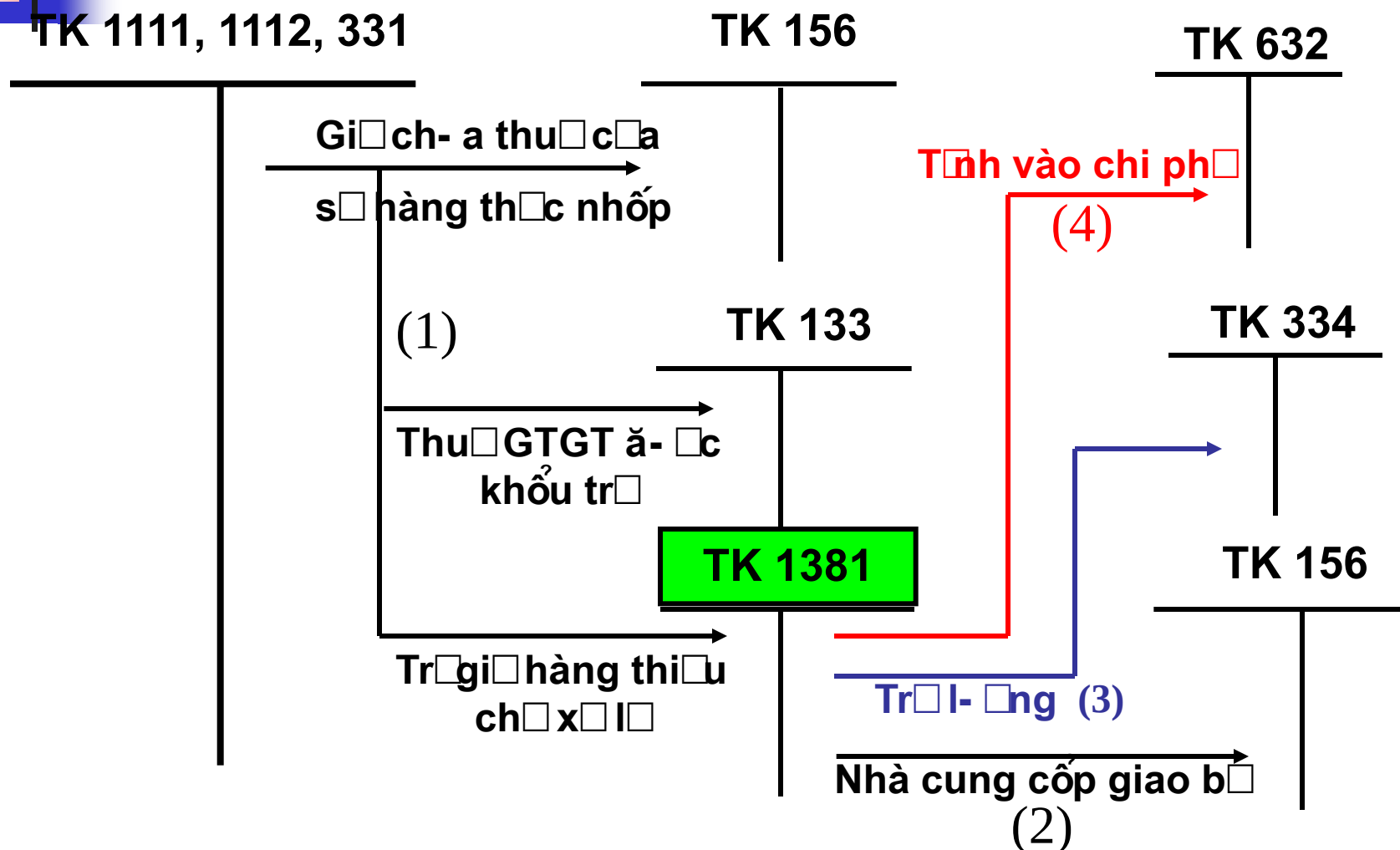
Kế toán thu mua hàng hóa XK

Đặt hàng



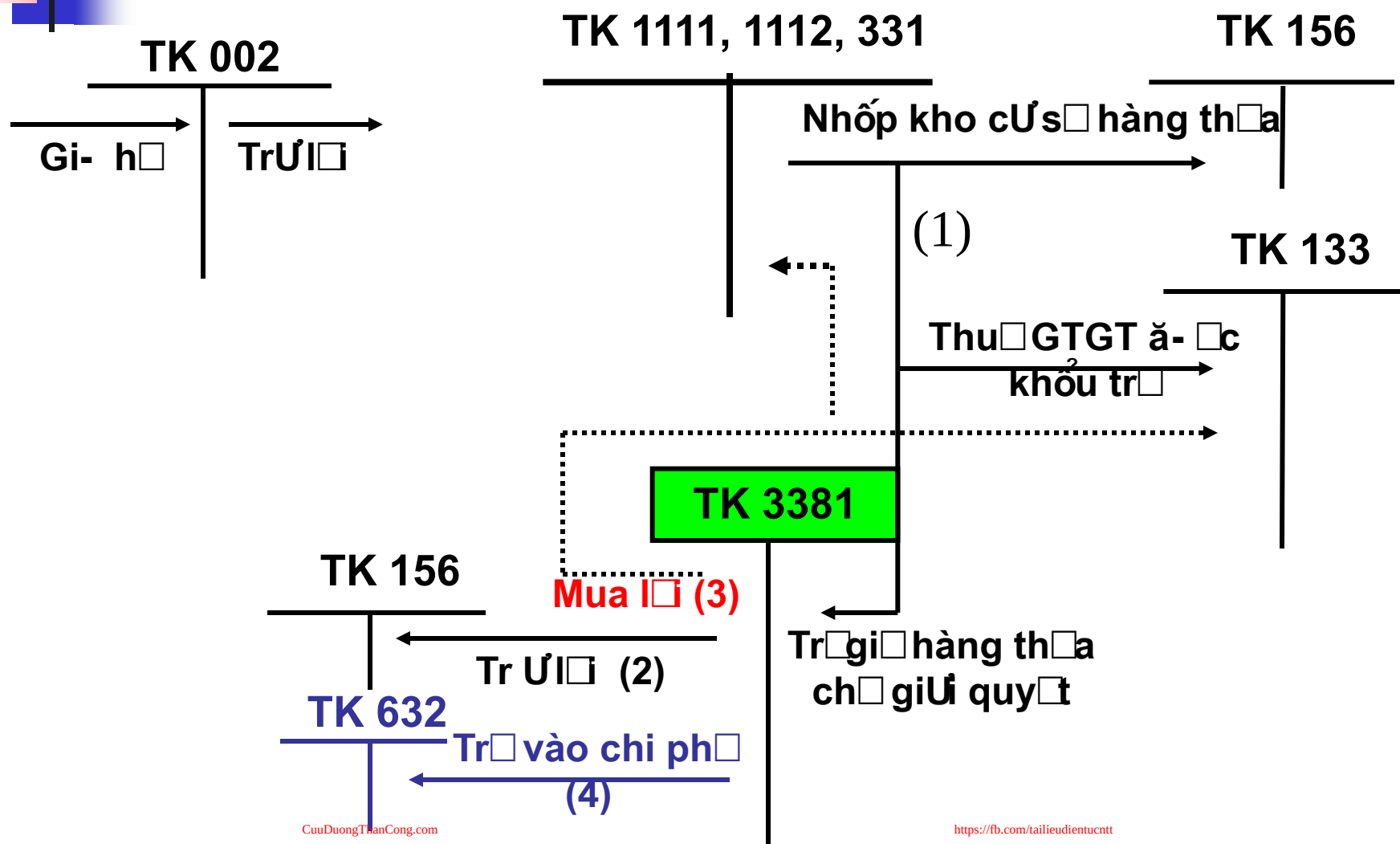
K_hto_h thu mua hàng ho_hXK

Mua hàng tr_c ti_p tr- _{ng} h_p thi_u hàng



Kế toán thu mua hàng hóa XK

Mua hàng trực tiếp ở nước ngoài hợp pháp hàng





6. K_ho_an xu_ut₂ kh_ou h_ang ho_a

a. H_ang ho_a xu_ut₂ kh_ou:

- H_ang ho_a, d_ich v_o b_an theo h_ap _áng mua b_an ngo_ai th- _ong.
- H_ang tr_iợn l_om, h_ai ch_a sau _á b_an, thu ngo_ai t_o.
- H_ang vi_on tr_o theo hi_ap _ánh, ngh_ánh th- giao cho doanh nghi_ap XNK th_ac hi_an.
- H_ang b_an cho ng- _i n- _oc ngo_ai, thanh to_an b_ang ngo_ai t_o.
- NVL cung c_ap cho c_ac c_ang tr_an thi_at b_ato_an b_a theo y_au c_au c_aa nh_a th_au n- _oc ngo_ai.
- D_ich v_o s_a ch_ea t_au bi_an, m_ay bay cho n- _oc ngo_ai, thanh to_an b_ang ngo_ai t_o.

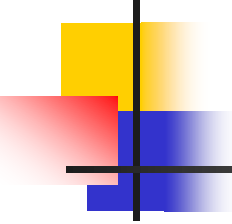
Kế toán xuất khẩu hàng hoá

b. Thời điểm bán hàng, ghi nhận doanh thu

Khi bán giao hàng và khách hàng chấp nhận thanh toán:

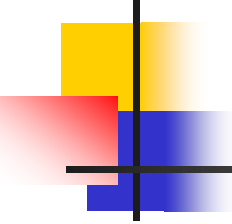
Thời điểm giao hàng (theo các FOB, CIF)

- Ngày bán: ngày khách vốn chấp nhận và hiểu quan cũng bán xong nhận hoàn thành thủ tục hiểu quan
- Ngày sản, chấp nhận bán: ngày hàng rời bến gửi theo xác nhận của hiểu quan của khách.
- Ngày kháng: ngày cửa quan hàng kháng khách hàng trả vốn chuyển và hiểu quan xác nhận hoàn thành thủ tục hiểu quan.
- Hàng trị nguyên, khi chấp: khi hoàn thành thủ tục mua bán.
- Các dịch vụ: khi hoàn thành các dịch vụ, xuất hoá chấp cho người mua.



Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn thương mại (Commercial Invoice).
- Vận đơn đường biển (Bill of Lading - B/L) hoặc đường hàng không (Bill of air - B/A).
- Chứng từ bảo hiểm, có thể là đơn bảo hiểm (Insurance Policy) hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm (Insurance Certificate).
- Giấy chứng nhận phẩm chất (Certificate of Quality).



Chứng từ sử dụng

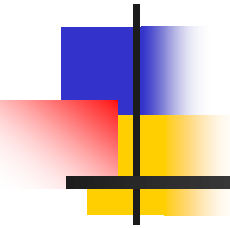
- Giấy chứng nhận xuất xứ (Certificate of Original).
- Giấy chứng nhận kiểm dịch đối với hàng hoá nông sản, thực phẩm.
- Phiếu đóng gói (Parking list).
- Một số các chứng từ cần thiết khác như hồi phiếu, tờ khai hải quan, biên lai thuế và phí các loại,...
- Phiếu thu, phiếu chi.
- Hoá đơn thuế GTGT...

Kế toán xuất khẩu hàng hoá

4.

Các ph- ơng thức xuất khẩu hàng hoá:

- a. Ph- ơng thức xuất khẩu trực tiếp: DN trực tiếp k ết và thực hi ện h ợp ả ợng xuất khẩu hàng hoá v ới ng- ười mua n- ớc ngoài.
- b. Ph- ơng thức xuất khẩu uỷ thác: DN k ết h ợp ả ợng uỷ thác xuất khẩu hàng hoá v ới 1 DN khác trong n- ớc, k ể từ trực tiếp tiến hành giao dịch v ới ng- ười mua n- ớc ngoài. Ớp d ợng trong tr- ợng h ợp DN c ả hàng xuất khẩu nh- ng ch- a c ả ả ợu k ể từ trực tiếp bán hàng ra th- ợng n- ớc ngoài (ch- a c ả kinh nghi ệm ả ợng ph ợng, giao dịch v ới ng- ười mua n- ớc ngoài, thu x ợp vốn chuy ợn, làm th ợ t ợc th ợng quan cho hàng hoá v.v.)



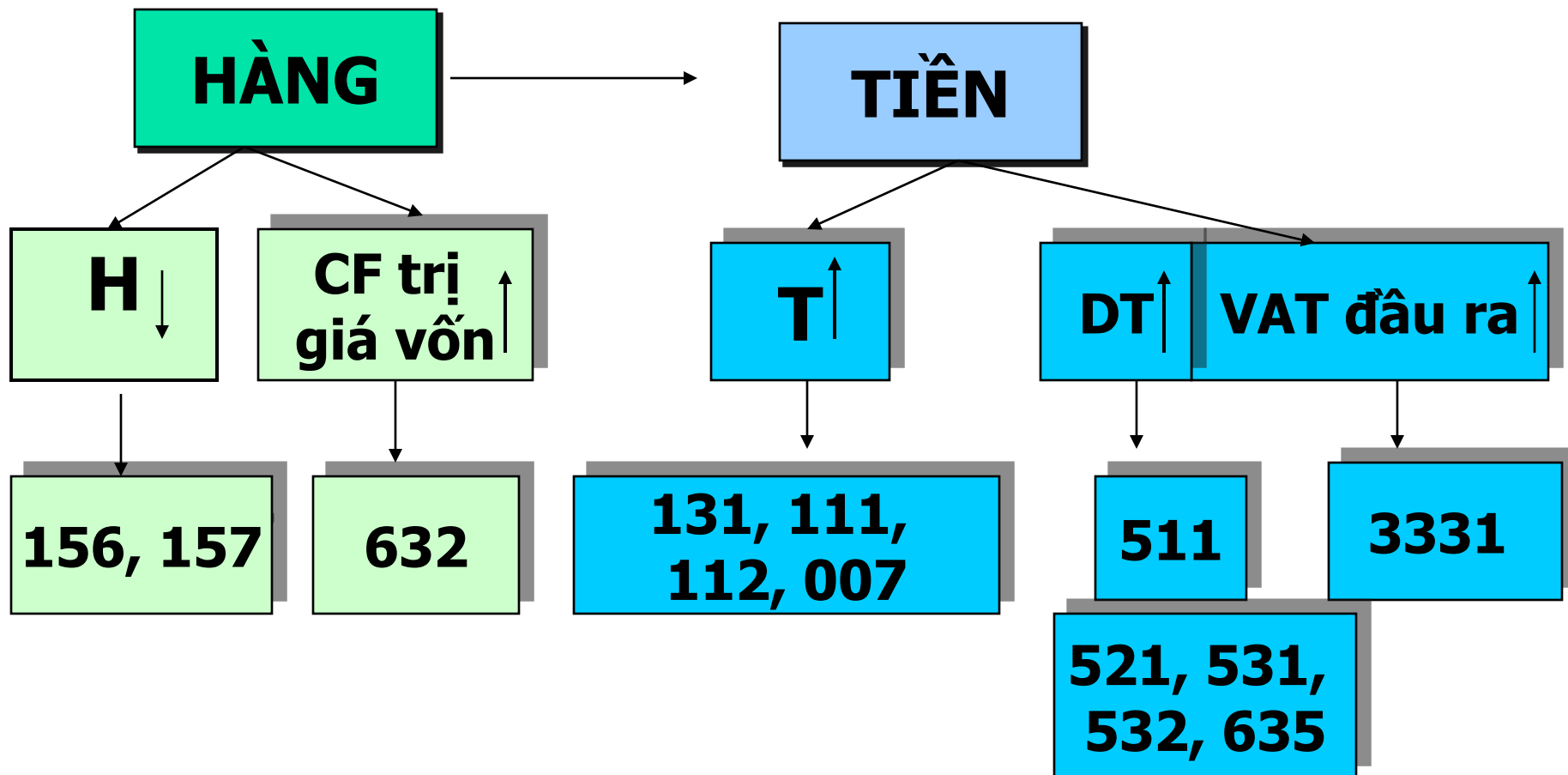
Kế toán xuất khẩu trực tiếp



Trình t² Xuất khẩu tr²c ti²p

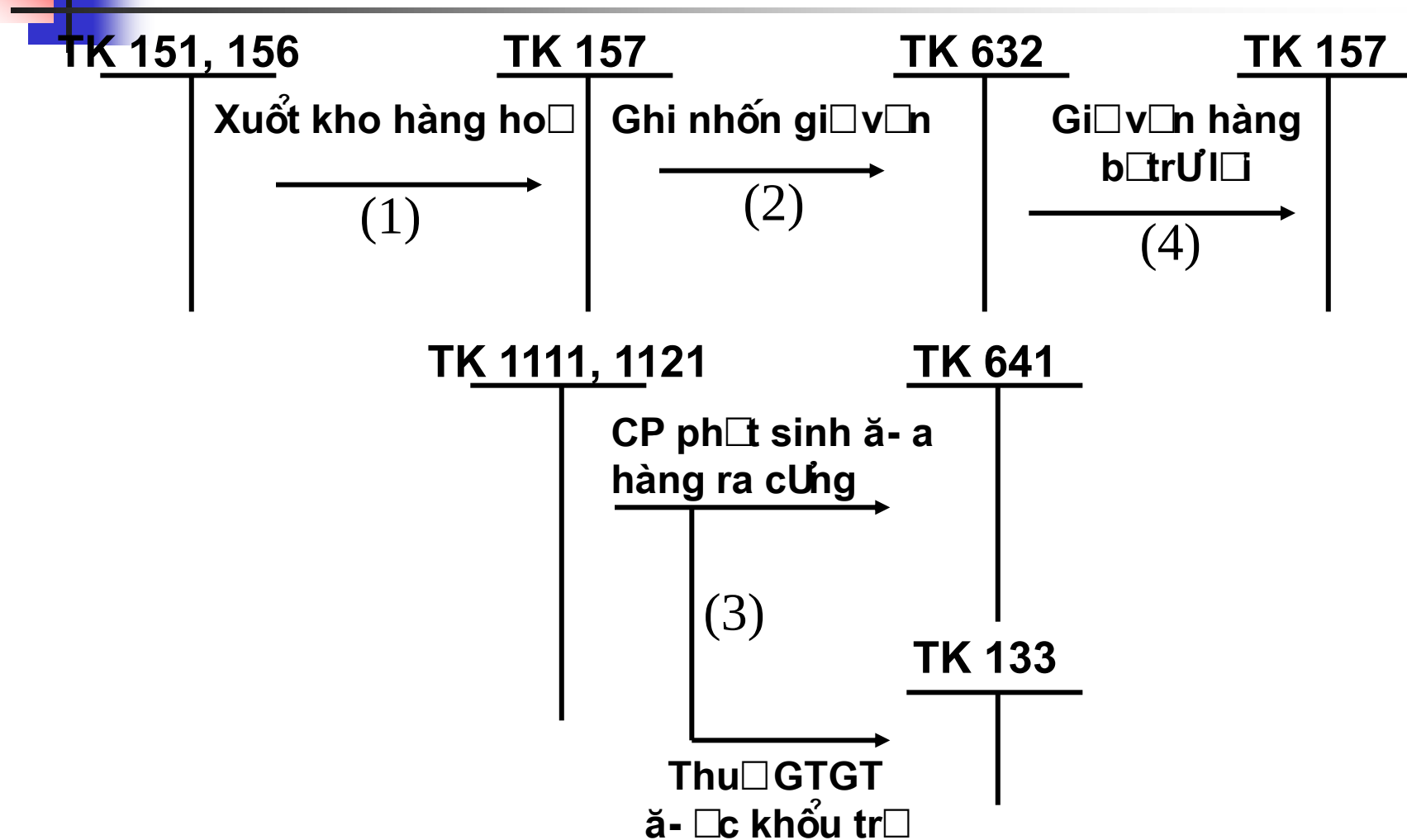
- K²k²t h²p ă²ng ngo²i th- ²ng v²i ng- ²i mua n- ²c ngoàì.
- Yău c²u bằn NK m²L/C. Khi nhốn ă- ²c giốy b²o m²L/C, ti²h hành kiệ²m tra L/C (ă²i chi²u L/C v²i h²p ă²ng ngo²i th- ²ng)
- Xin giốy ph²p XK lầ² hàng (n²u c²h)
- Thu x²p ph- ²ng ti²h vố²n t²U.
- Lố²p ho²ă²n th- ²ng m²i và b²U²g kă² chi ti²t ă²ng g²i.
- Xin ho²ă²n l²nh s², giốy ch²ng nhố²n xuố²t x²
- Chuyệ²n hàng ra c²U²g ch² làm th²t²c b²c hàng lầ²n tàu.
- Ti²h hành c²c th²t²c thằ²ng quan cho hàng ho²
- Lố²p b² ch²ng t² thanh to²h và xuố²t tr²nh cho ngâ²n hàng ă²đ ă- ²c thanh to²h hoặ²c chố²p nhố²n thanh to²h.
- Nhố²n tưở²n hàng t² ng- ²i nhố²p khộ².

Tài khoản sử dụng



Xuất khẩu trực tiếp

Ghi nhồn chi ph²ph²t sinh trong qu²tr²nh XK



Xuất khẩu trực tiếp

Ghi nhồn Doanh thu hàng XK

